



## SỨC MẠNH QUÂN SỰ VÀ AN NINH QUỐC GIA TRONG MỘT THẾ GIỚI HỖN LOẠN (P1)

**Nguồn:** Charles W. Kegley, JR. & Gregory A. Raymond, *The Global Future: A Brief Introduction to World Politics* (Chapter 8), (Boston, MA: Wadsworth, 2010).

**Biên dịch:** Lưu Ngọc Trâm | **Hiệu đính:** Nguyễn Đắc Thành

### Cấu trúc chương

#### Quyền lực trong chính trị thế giới

*Các thành tố của quyền lực quốc gia*

*Toàn cầu hóa và sự thay đổi đặc điểm của quyền lực quốc gia*

*TRANH LUẬN: Liệu chi tiêu quân sự cao có làm giảm an ninh con người?*

#### Sự theo đuổi sức mạnh quân sự

*Xu hướng về chi tiêu quân sự*

*Xu hướng về buôn bán vũ khí*

*Xu hướng về công nghệ vũ khí*

#### Chiến lược quân sự trong thời đại hạt nhân

*Chiến lược ép buộc*

*Chiến lược răn đe*

*Chiến lược đánh phủ đầu*

#### Giới hạn của ngoại giao cưỡng ép

*Sử dụng sức mạnh quân sự một cách thuyết phục*

*Trừng phạt kinh tế*

*ÁP DỤNG: Ai đang trừng phạt ai?*

#### Xây dựng an ninh thế giới

*Nếu bạn muốn có hòa bình, hãy chuẩn bị chiến tranh.*

*Flavius Vegetius Renatus - Tướng La Mã*

Vào ngày 30 tháng Chín năm 1862, Bá tước Otto von Bismarck, Thủ tướng nước Phổ đã báo cáo trước Ủy ban ngân sách Quốc hội về yêu cầu tăng cường lực lượng quân đội quốc gia. Đây là một nhiệm vụ khó khăn đối với vị Thủ tướng cao lớn, vai

rộng và nghiêm khắc này. Nhiều đại biểu Quốc hội trước đó đã chống lại việc tăng thuế cho dù là để tài trợ cho việc cải cách quân đội.

Phổ là một trong 38 quốc gia của người Đức nằm trải khắp Trung Âu vào giữa thế kỷ 19. Với những người theo chủ nghĩa dân tộc Đức, việc dân tộc Đức bị phân thành các quốc gia vừa và nhỏ khiến các quốc gia này nằm dưới sự kiểm soát của các láng giềng hùng mạnh. Rất nhiều người Đức ủng hộ sự hợp nhất nhưng cũng nghi ngờ tham vọng của nước Phổ trong việc dẫn dắt một nước Đức thống nhất. Áo và Pháp cũng lo lắng như vậy. Một nước Đức thống nhất dưới sự dẫn dắt của Phổ sẽ là mối đe dọa an ninh lớn. Với lao động có kỹ thuật và trình độ dân trí, cùng với những ngành công nghiệp điện, hóa chất, và thép hàng đầu, nước Đức thống nhất sẽ tạo nên một cường quốc kinh tế và quân sự. Do vậy, các nhà lãnh đạo chính trị của Vienna và Paris mong muốn dân tộc Đức bị phân thành hàng chục các quốc gia vô hại.

Bismarck nhận ra những rào cản đối với tham vọng của Phổ và lo sợ rằng sẽ không thể vượt qua những rào cản này nếu không có một đội quân hiện đại. Ông nói với Ủy ban ngân sách Quốc hội "Vị trí của Phổ ở Đức sẽ không được xác định bởi chủ nghĩa tự do mà bởi sức mạnh của mình." Phổ cần tăng cường sức mạnh quân sự. (Vị trí đó) "không được quyết định bằng các diễn văn hay quyết định đa số được thảo luận trong ngày hôm nay, mà bằng súng đạn và máu", ông nhấn mạnh.

Trong thập kỷ tiếp theo, chính sách súng đạn và máu của Bismarck đã dẫn đến cuộc chiến với Đan Mạch (1864), Áo (1866) và Pháp (1870-1871). Được biết đến dưới cái tên chung Chiến tranh Thống nhất nước Đức, Phổ đã giành thắng lợi nhờ vào khả năng phi thường của Bismarck trong việc cô lập đối thủ và đội quân hiện đại, tinh nhuệ, linh hoạt và đầy sức mạnh của nước Phổ. Các cuộc chiến này đã biến những vùng lãnh thổ bị chia tách của Đức trở thành một quốc gia tập quyền hùng mạnh. Trước các cuộc chiến Phổ là nước nhỏ nhất trong các cường quốc của châu Âu; sau đó nó gần như nắm quyền bá chủ trên khắp Châu Âu.

Sự tài tình của Bismarck chính là ở năng lực xem xét nhiều hướng hành động, khám phá tất cả sự hoán vị của chúng và triển khai cùng lúc trên nhiều mặt trận. Không có bước đi nào đơn lẻ. Mỗi nước cờ đều tạo cho ông một lợi thế triển khai ở một hướng khác. Ông quả quyết rằng "Một người không thể chơi cờ nếu như ngay từ đầu mười sáu trong số sáu mươi tư ô bàn cờ đã bị loại (out of bounds)" Là một người kiên trì ủng hộ lợi ích của Phổ đồng thời là một bậc thầy về mưu lược, ông có thể thấy được những cơ hội từ các "thế cờ" ngoại giao khác nhau trên bàn cờ ngoại giao. Để khai thác những thế cờ này, ông sẵn sàng làm những chuyện không trung thực và có khi là tàn nhẫn. Ông đã từng thú nhận "Nếu không phải tôi,

thì đã không có ba cuộc chiến tranh lớn, 80.000 người đã không phải chết và các bậc cha mẹ, các anh chị em, các quả phụ đã không phải than khóc. Nhưng tôi phải đối mặt với Chúa về điều này.”

Như Karl von Clausewitz, một đại tướng của Phổ đã từng chống lại Napoleon hơn nửa thế kỷ trước, Bismarck coi chiến tranh là sự nổi dãi của chính sách đối ngoại bằng phương tiện khác, một công cụ chính trị để giúp đạt được mục tiêu khi mà ngoại giao thất bại trong việc giải quyết bế tắc. Với Bismarck xung đột là điều bình thường, và chiến tranh là một cách thức để giải quyết xung đột bằng cách ép buộc đối thủ phải làm theo ý chí của mình. Thắng lợi phụ thuộc vào sức mạnh quân sự. Điều này như Frederick Đại Đế, vị Vua Phổ ở thế kỷ mười tám đã nhận xét: “Ngoại giao mà không có sức mạnh quân sự giống như âm nhạc mà không có các nhạc cụ.”

Chương này xem xét vai trò của sức mạnh trong chính trị thế giới. Chương mở đầu bằng việc phân tích khái niệm không rõ ràng về “sức mạnh”. Sau khi xem xét những khó khăn trong việc đo lường sức mạnh tiềm năng của một quốc gia, chúng ta sẽ đánh giá nỗ lực của các quốc gia để tạo nên sức mạnh quân sự bằng cách xem xét xu hướng của chi tiêu quân sự, buôn bán vũ khí và công nghệ vũ khí. Cuối cùng chương sẽ thảo luận cách thức mà các quốc gia sử dụng nguồn lực quân sự và kinh tế để gây ảnh hưởng đến các chủ thể quốc tế khác.

## **Quyền lực trong chính trị thế giới**

Xuyên suốt lịch sử, rất nhiều lãnh đạo quốc gia đã coi việc thu nạp quyền lực như mục tiêu chính yếu. Trong mắt họ, an ninh là kết quả của quyền lực, vì vậy gia tăng quyền lực là lợi ích quốc gia. Tuy vậy, “quyền lực” là một khái niệm không rõ ràng. Mỗi người sẽ dùng nó với các định nghĩa khác nhau. Hầu hết các học giả định nghĩa quyền lực theo ý nghĩa tương tác, như là khả năng của một quốc gia khiến một quốc gia khác tiếp tục một phương hướng hành động, thay đổi hành động đó hay ngăn cản quốc gia đó hành động. Nói cách khác, một quốc gia hùng mạnh có khả năng kiểm soát các quốc gia khác. Bằng cách sử dụng quyền lực, quốc gia có thể làm giảm xác suất để xảy ra những điều quốc gia đó không mong muốn và tăng xác suất của một kết quả mà nó muốn.

## **Các thành tố của quyền lực quốc gia**

Nếu định nghĩa quyền lực về mặt kiểm soát, câu hỏi đặt ra là chúng ta dùng cách nào để đo lường khả năng của một chủ thể quốc tế buộc một chủ thể khác làm

những điều mà đáng ra nó sẽ không làm. Như David Baldwin (1989) chỉ ra, “vấn đề đo lường quyền lực chính trị cũng giống việc đo lường sức mua trong nền kinh tế mà không có tiền tệ.” Thiếu vắng đơn vị hạch toán chuẩn, rất khó để đưa ra một bảng xếp hạng chính xác quyền lực của các quốc gia, qua đó có thể dự đoán quốc gia nào có thể thắng thế trong một cuộc xung đột chính trị. Theo lẽ thường, các nước lớn hơn thì sẽ có nhiều quyền lực hơn các nước nhỏ. Nhưng quy mô lớn nhỏ không thôi chưa đủ để quyết định kết cục của các xung đột chính trị. Pháp và sau đó là Mỹ đã không thể áp đặt đối với Việt Nam. Tương tự như vậy, Liên Xô không thể kiểm soát Afghanistan. Thực sự thì lịch sử có đầy các ví dụ cho việc các quốc gia nhỏ chiến thắng trong cuộc chiến tranh hoặc bảo vệ sự độc lập trước các quốc gia lớn mạnh hơn nhiều.

Vì thiếu thước đo thống nhất để đánh giá **tiềm năng quyền lực**,<sup>1</sup> các học giả cũng như các nhà hoạch định chính sách cố gắng xếp hạng các quốc gia dựa theo sự kết hợp về các nguồn lực và năng lực được cho là cần thiết để gây ảnh hưởng tới các quốc gia khác. Giống như các đầu bếp khi đến vòng chung kết họ đều có danh sách nguyên liệu riêng. Thường thì sự tổng hợp về địa lý, dân số, kinh tế và các yếu tố vật chất khác sẽ được kết hợp với các yếu tố phi vật chất như khả năng lãnh đạo và tinh thần quốc gia. Cho dù công thức có thể khác nhau thì kết quả vẫn thường như nhau: Quyền lực tương đồng với những năng lực làm gia tăng khả năng tham chiến của một quốc gia.

Quan điểm truyền thống coi trọng sức mạnh quân sự bắt nguồn từ việc coi vũ lực là phương cách cuối cùng để giải quyết các xung đột quốc tế nghiêm trọng. Như đã được đề cập trong các chương trước, môi trường hỗn loạn của chính trị thế giới buộc các quốc gia phải tự thân bảo vệ mình. Không có định chế có quyền lực cao hơn nào bảo vệ cho lợi ích của các quốc gia. Trong hoàn cảnh đó, sức mạnh quân sự được xem như nguồn chủ yếu của an ninh quốc gia và ảnh hưởng quốc tế.

Sức mạnh quân sự có lúc thì hiệu quả trong việc kiểm soát các hành vi của bạn lẫn kẻ thù, có lúc lại không. Quyền lực phải gắn với tình huống cụ thể: Những năng lực cho phép một chủ thể tác động đến một số quốc gia trong một vấn đề có thể vô dụng trong việc gây ảnh hưởng đến các quốc gia khác trong một vấn đề khác. Vì vậy, quyền lực chung của một quốc gia được định nghĩa theo các loại chủ thể mà quốc gia này có thể kiểm soát hay những vấn đề mà quốc gia này có tầm ảnh hưởng. Như đã được bàn ở chương 4, một cường quốc là một quốc gia có khả năng áp đặt kiểm soát trên một diện rộng các mục tiêu và với một phạm vi lớn các

---

<sup>1</sup> **Tiềm năng Quyền lực (power potential):** năng lực hay nguồn lực tương đối mà một quốc gia nắm giữ, được coi là cần thiết để thiết lập ảnh hưởng của quốc gia đó tới các quốc gia khác.

vấn đề, do cường quốc này nắm giữ một loạt các phần thưởng và các hành động trừng phạt.

### **Toàn cầu hóa và sự thay đổi đặc điểm của quyền lực quốc gia**

Theo quan điểm hiện thực, năng lực quân sự là trung tâm của khái niệm quyền lực và an ninh, nhưng một số nhà lý luận theo chủ nghĩa tự do cho rằng ngày nay nguồn của quyền lực quốc gia dựa nhiều vào các yếu tố thông tin, công nghệ và năng lực cạnh tranh thương mại hơn là sức mạnh quân sự (Nye 1990). Từ khi kết thúc Thế Chiến II, một số quốc gia đã tăng cường quyền lực tương đối của mình bằng cách đầu tư nguồn lực vào lĩnh vực dân sự hơn là vào công nghệ quân sự. Trong khi Hoa Kỳ dùng phần lớn ngân sách nghiên cứu và phát triển vào các chương trình quân sự, Nhật Bản và nhiều nước châu Âu đầu tư chủ yếu vào việc phát triển công nghệ mới cho hàng tiêu dùng. Nếu chúng ta sống trong một thế giới dựa vào giáo dục và nguồn vốn con người, mà ở đó các ý tưởng sáng tạo, thiết kế sản phẩm, tài chính và tiếp thị sẽ dần trở thành nguồn chính của sự giàu có và quyền lực như nhà khoa học chính trị Richard Rosecrance (1999) nhận xét, thì Mỹ sẽ không theo kịp các đối thủ của nó, mặc dù chi tiêu quân sự của nước này chiếm một nửa của thế giới.

Những chỉ trích đối với quan điểm hiện thực đề cao việc liên tục chuẩn bị chiến tranh, khẳng định rằng chi tiêu quân sự dẫn đến **chi phí cơ hội**<sup>2</sup> cao (xem Tranh luận: Liệu chi tiêu quân sự cao có làm giảm an ninh con người?). Theo quan niệm này, chi tiêu quân sự lấn át đầu tư công và tư nhân. Nếu chi tiêu quân sự của Hoa Kỳ giữ nguyên ở mức năm 1990 thì lợi tức hòa bình có được do Chiến tranh Lạnh kết thúc lẽ ra đã lớn hơn con số 700 tỉ đô trong vòng mười lăm năm và đã có thể được dùng cho các mục đích khác. Ngoài việc bỏ qua các cơ hội kinh tế khác, chi tiêu quân sự còn phát sinh những phí tổn trực tiếp bởi các thiết bị đắt tiền sẽ nhanh chóng lỗi thời trước những bước tiến công nghệ nhanh chóng. Điều này lại dẫn đến nhu cầu về vũ khí mới tối tân hơn và ngày càng tốn kém hơn.

Cuối cùng, các nhà chỉ trích quan điểm hiện thực cho rằng các nguồn lực phi vật chất của quyền lực quốc gia được cân nhắc ngày càng nhiều hơn trong tính toán liên quan đến quốc phòng. Có lúc các nhà lãnh đạo chính trị có thể đạt mục tiêu bằng cách kiểm soát chương trình nghị sự và quyết định về khuôn khổ tranh luận, chứ không phải dựa vào việc dụ dỗ và đe dọa để cưỡng chế người dân. Khả

---

<sup>2</sup> **Chi phí cơ hội (opportunity cost):** một khái niệm trong những lý thuyết về ra quyết định, theo đó khi sử dụng nguồn lực cho mục đích này thì sẽ không còn cơ hội sử dụng cho một mục đích khác. Do vậy, mọi lựa chọn đều bao hàm chi phí của một cơ hội mất đi.

năng khiến người khác chấp nhận các giá trị của bạn, xem các mục tiêu của bạn là hợp pháp dường như có liên quan đến các nguồn lực sức mạnh vô hình như sức hấp dẫn của lý tưởng quốc gia và sự quyến rũ của nền văn hóa. Những nguồn lực vô hình này tạo thành *quyền lực mềm*, đối lập với *quyền lực cứng* thường được gắn với nguồn lực hữu hình như sức mạnh kinh tế và quân sự (Nye 2004). Quyền lực mềm là "năng lực đạt được mục tiêu bằng việc cảm hóa, thuyết phục hơn là ép buộc... bằng cách thuyết phục những người khác đi theo hay khiến họ đồng ý với các chuẩn mực và thể chế để đưa đến các hành vi mong muốn" (Keohane và Nye 2001b). Nếu quyền lực mềm có sự quan trọng tương đối trong thời đại thông tin như hiện nay thì sự chênh lệch về lực lượng quân sự sẽ không chuyển thành quyền lực tiềm năng như trước đây. Tất nhiên năng lực quân sự vẫn quan trọng. "Có thể là một sai lầm khi cho rằng ảnh hưởng chính trị tỷ lệ thuận với sức mạnh quân sự, nhưng sẽ còn sai lầm hơn nếu phủ nhận mối liên hệ giữa chúng" (Majeed 1991).

#### **TRANH LUẬN: Liệu chi tiêu quân sự cao có làm giảm an ninh con người?**

Trong chính trị luôn phải đưa ra những lựa chọn khó khăn về cách sử dụng ngân quỹ công. Một trong những sự lựa chọn đó là "súng hay bơ" - ngân sách quốc gia nên được phân bổ như thế nào cho phòng bị quân sự và các chương trình phúc lợi xã hội. Mục tiêu đầu tiên đề cao *an ninh quốc gia*; mục tiêu sau đề cao *an ninh con người*. Theo đuổi mục tiêu nào đều bao hàm từ bỏ việc thực hiện mục tiêu kia.

Sự đánh đổi giữa súng và bơ là một vấn đề lớn của mỗi quốc gia. Và mỗi nhà lãnh đạo có cách thức riêng để xử lý sự đánh đổi này. Để mô tả những khác biệt này, người ta có thể phân nhóm các quốc gia căn cứ vào chi tiêu quân sự trên tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Sơ đồ bên dưới cho thấy có sự cách biệt lớn. Nhiều quốc gia dành tỷ lệ lớn trong GDP để phòng thủ và các quốc gia lựa chọn chi tiêu của cải để nâng cao an ninh con người. Thực tế thì một số quốc gia tương đối giàu có (Kuwait, Israel và Brunei) lại chi rất nhiều cho quốc phòng trong khi các nước thu nhập cao (Nhật Bản, Áo và Luxemburg) lại có gánh nặng quốc phòng thấp. Tương tự như vậy một số nước rất nghèo (Sierra Leone, Mozambique và Chad) có gánh nặng quốc phòng cao trong khi các nước khác (Bhutan và Zaire) lại không như vậy. Cho nên, rất khó để khái quát mối liên hệ chính xác giữa gánh nặng quốc phòng của một quốc gia với mức sống của người dân, phát triển con người hay trình độ phát triển của nước đó.

Cựu Tổng thống Mỹ Dwight D. Eisenhower đã từng nhìn nhận "Vấn đề trong chi tiêu quốc phòng là nên chi đến mức nào để không phá hủy từ bên trong những thứ bạn cố gắng bảo vệ từ bên ngoài." Một nước nên chi bao nhiêu cho an ninh quốc gia? Một số học giả thì cho rằng không có cái giá nào là quá cao. Tuy nhiên, một số khác lại lập luận rằng mức chi tiêu quân sự cao sẽ làm giảm khả năng quốc gia chu cấp cho người dân. Quan điểm này được đưa ra bởi Oscar Arias, người đạt giải Nobel Hòa bình năm 1987 và là cựu Tổng thống của Costa Rica. Ông cho rằng "Các nhà lãnh đạo thế giới phải chấm dứt việc coi đầu tư quân sự cũng đóng góp vào sự thịnh vượng quốc gia. Một sự thật đáng buồn là một nửa số chính phủ trên thế giới đầu tư vào quốc phòng nhiều hơn là



vào các chương trình y tế. Nếu mỗi năm chúng ta chuyển 40 tỉ đôla chi tiêu quốc phòng sang các chương trình xóa đói giảm nghèo thì trong vòng mười năm tất cả dân số thế giới sẽ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản – giáo dục, chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, nước sạch và vệ sinh môi trường. Thêm 40 tỉ đôla mỗi năm trong vòng 10 năm sẽ mang lại cho mỗi người trên khắp hành tinh này mức thu nhập trên ngưỡng nghèo đói ở đất nước họ.”

Nước Mỹ có chi tiêu quốc phòng lớn nhất thế giới là minh chứng rõ cho luận điểm của Tiến sĩ Arias rằng mức chi phí quốc phòng cao làm giảm mức chi cho các chương trình y tế và xã hội. Bảng dưới đây cho thấy Mỹ xếp hạng thế nào về nhiều chỉ số phi quân sự của an ninh con người:

### **Xếp hạng của Mỹ trên thế giới**

#### *Các chỉ số xã hội*

Chi tiêu công về giáo dục trên đầu người: 14

Chỉ số phát triển con người: 10

Điều kiện chăm sóc trẻ em: 17

Điều kiện môi trường: 18

Tổng dân số bị giam giữ trên 100.000 dân: 1

#### *Các chỉ số về sức khỏe*

Chi tiêu công cho y tế (% GDP): 35

Tuổi thọ bình quân: 40

Chỉ số sức khỏe và an toàn của trẻ em: 21

Tỉ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi: 15

Số bác sĩ trên mỗi người: 27

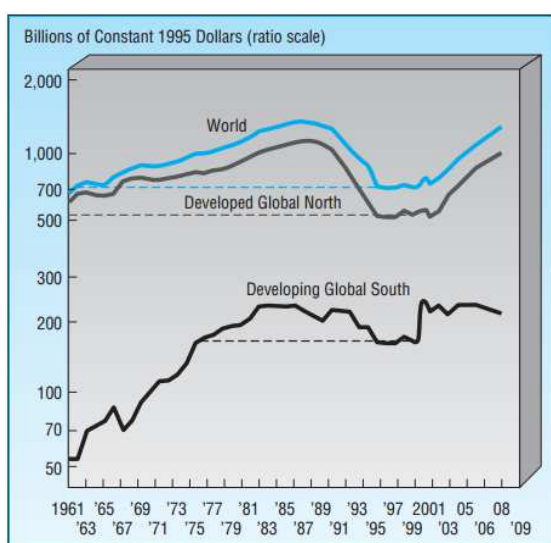
Bảng xếp hạng này (*HDR 2008, 294 – 297; Economist 2007*) đặt ra câu hỏi về chi phí thực sự của an ninh quốc gia. Ai thực sự trả tiền cho quốc phòng? Nếu bạn là nguyên thủ của một quốc gia liệu bạn sẽ ưu tiên ngân sách vào an ninh quốc gia hay vào an ninh con người cho người dân? Làm thế nào để dung hòa nhu cầu quốc phòng với nhu cầu phúc lợi chung? Sẽ rất khó lựa chọn bởi vì đòi hỏi sự đánh đổi giữa những giá trị cạnh tranh nhau.

## **Sự theo đuổi năng lực quân sự**

Cách một người tiêu tiền thể hiện giá trị của họ. Tương tự như vậy, cách chính phủ phân bổ ngân sách cho thấy ưu tiên của họ. Xem xét các ngân sách quốc gia cho thấy một xu hướng nhất quán: cho dù các nguồn của quyền lực chính trị thế giới có thể thay đổi thì các quốc gia vẫn tiếp tục tìm kiếm an ninh bằng cách tiêu tốn một phần đáng kể tài sản quốc gia vào vũ khí.

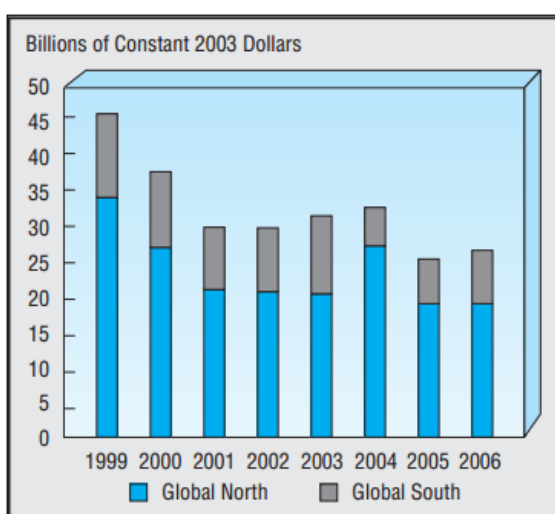
## Xu hướng trong chi tiêu quân sự

Các loại vũ khí mà chính phủ tin rằng cần thiết cho an ninh quốc gia luôn luôn đắt đỏ. Ví dụ như việc chi tiêu quân sự thế giới đầu năm 2007 đạt 1.204 tỉ đô la, vượt 1,9 triệu đô la cho mỗi phút (WDI 2007, 267). Nếu tính bằng đồng đô la không đổi, được điều chỉnh theo lạm phát, chi tiêu quân sự thế giới đã tăng lên so trước đây: gấp ba lần mức chi tiêu quân sự năm 1960, gấp đôi toàn năm 1970 và cao hơn cả mức kỷ lục của năm 1980 trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. So với giữa những năm 1930 thì chi tiêu quân sự thế giới đã tăng lên 17 lần, với một tỷ lệ tăng cao hơn mức tăng của dân số thế giới, mức tăng sản lượng kinh tế toàn cầu hay chi tiêu dành cho cho y tế công.



**Biểu đồ 8.1** Thay đổi mức chi tiêu quân sự từ năm 1960 của Bắc bán cầu và Nam bán cầu

Chi tiêu quân sự toàn cầu từ năm 1960 có sự biến động, với đỉnh kỷ lục là năm 1987, sau đó chi tiêu giảm cho đến khi xảy ra cuộc tấn công khủng bố vào New York và Washington năm 2001. Biểu đồ cho thấy chi tiêu quốc phòng của các nước phương Nam đạt đỉnh vào giai đoạn 1982 – 1986, sau đó sụt giảm rồi tăng trở lại kể từ năm 1993 và chiếm 15% tổng chi phí thế giới.



**Biểu đồ 8.2** Trị giá hợp đồng vũ khí cho các nước phương Bắc và các nước phương Nam, 1999-2006

Buôn bán vũ khí toàn cầu đã dẫn đến sự phổ biến rộng rãi phương tiện và năng lực quân sự từ các nước Bắc bán cầu sang Nam bán cầu. Trong năm 2004, các hợp đồng mua bán vũ khí của các nước đang phát triển chiếm ba phần tư tổng số hợp đồng mua bán vũ khí toàn cầu.

NGUỒN: Grimmer (2007, 38)



Các con số tổng hợp này không nói lên toàn bộ câu chuyện bởi vì tổng chi tiêu thế giới cho vũ khí che đậy các xu hướng chi tiêu rất khác nhau của từng nhóm nước cụ thể. Trong lịch sử thì các quốc gia giàu đã và đang chi nhiều tiền nhất cho việc mua vũ khí và xu hướng này vẫn tiếp tục. Trong năm 2007 các nước phương Bắc đã chi 1.000 tỉ đô cho quốc phòng, ngược lại các nước phương Nam chỉ chi 204 tỉ đô. Như vậy các quốc gia phát triển chiếm khoảng 85% toàn chi tiêu quân sự thế giới. Thế nhưng nếu đo lường theo các yếu tố khác thì khác biệt sẽ không quá lớn. Các nước phương Bắc chi trung bình 2% GNP cho quốc phòng, trong khi đó các nước phương Nam chi khoảng 2,5%. Tuy mức chi tiêu quân sự của hai nhóm nước này vẫn còn cách biệt, nhưng theo thời gian nó đang thu hẹp và hội tụ tại một điểm. Bảng số liệu 8.1 cho thấy chi tiêu quân sự của các nước phương Nam trong năm 1961 chiếm khoảng 7% toàn thế giới, đến 2005 con số này đã tăng gấp đôi (SIPRI 2006, 326-327). Nói ngắn gọn thì các quốc gia nghèo đang bắt chước thói quen chi tiêu quân sự tốn kém của các quốc gia giàu nhất.

### **Xu hướng trong buôn bán vũ khí**

Trong suốt cuộc Chiến tranh Lạnh, rất nhiều quốc gia dùng việc mua vũ khí để tăng cường an ninh. Dù vậy sau Chiến tranh Lạnh việc mua bán vũ khí vẫn không giảm. Tổng giá trị của tất cả hợp đồng chuyển giao vũ khí toàn cầu từ 1991 đến 2006 vượt mức 485 tỉ đô (Grimmett 2007, 4) mà đa phần là xuất đến các nước đang phát triển, chủ yếu là ở châu Á và Trung Đông (xem Bảng số liệu 8.2). Từ năm 2003 đến năm 2006, các loại vũ khí được chuyển giao bởi các nhà cung cấp lớn tới các nước đang phát triển gồm 2.612 xe tăng và pháo tự hành, 2.854 khẩu pháo, 774 máy bay chiến đấu siêu thanh, 4.565 tên lửa đất-đối-không và các hệ thống công nghệ vũ khí tiên tiến khác (Grimmett 2007, 72).

Bên cạnh việc xem xét các quốc gia nhập khẩu vũ khí, cũng cần quan sát hoạt động của các quốc gia cung cấp vũ khí. Đến cuối Chiến tranh Lạnh có hơn 60 quốc gia bán vũ khí ra nước ngoài (Sivard 1991, 11), trong đó Mỹ thống lĩnh thị trường xuất khẩu vũ khí. Bước vào thế kỷ XXI, Mỹ đã chiếm tỉ lệ lớn nhất trong các hợp đồng bán vũ khí trên toàn thế giới, với tổng trị giá của những hợp đồng bán vũ khí vượt 61 tỉ đô. Lợi ích kinh tế là một lý do quan trọng cho việc mua bán này, bởi Mỹ dùng việc xuất vũ khí để bù đắp cho cán cân thương mại thâm hụt thường xuyên của mình. Để giữ vững thị phần trong buôn bán vũ khí, “một phần tư viện trợ nước ngoài của Mỹ dành cho các nước tiếp nhận các vũ khí, trang thiết bị và vật dụng do Mỹ sản xuất (*Harper's*, tháng 10 năm 2005, 11).” Bởi buôn bán vũ khí là một ngành kinh doanh khổng lồ nên các nhà sản xuất vũ khí đã hình thành một hệ

thống vận động hành lang mạnh mẽ ở trong nước. Một **tổ hợp công nghiệp quân sự**<sup>3</sup> được tổ chức chặt chẽ có ảnh hưởng to lớn tới các kế hoạch ngân sách quốc phòng và các thỏa thuận mua bán vũ khí ở Mỹ cũng như ở nhiều các quốc gia phương Bắc khác (Mount, Maier và Freeman 2003; Fallows 2002).

Ngoài lợi nhuận kinh tế, các quốc gia còn bán vũ khí với nhiều mục đích chính trị khác nhau, trong đó bao gồm mục đích ủng hộ các chính phủ thân cận và để lôi kéo đồng minh mới. Điều này được chứng minh qua chính sách xuất vũ khí của Mỹ trước và trong cuộc chiến tranh vùng vịnh Ba Tư 1990. Từ năm 1994 đến 2001, Mỹ đã chuyển 56% của 101 tỉ đôla tiền bán vũ khí cho các quốc gia Trung Đông bị cuộc xung đột tàn phá (Grimmett 2002, 53, 5), và được cho là nhằm mục đích củng cố đồng minh và duy trì cân bằng sức mạnh quân sự tại khu vực để bùng nổ này. Tuy nhiên việc trang bị vũ khí cho các quốc gia khác có hoàn thành các mục tiêu chính trị được đề ra hay không vẫn còn là một câu hỏi ngỏ. Như ví dụ trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Mỹ và Liên Xô đã tìm cách duy trì hòa bình bằng cách cung cấp vũ khí cho các đối tác chính trị quan trọng. Từ năm 1983 đến 1987 Mỹ đã cung cấp vũ khí cho 59 các nước kém phát triển và Liên Xô cung cấp cho 42 nước (Klare 1990, 12). Tuy nhiên nhiều quốc gia nhận vũ khí lại đang vướng vào chiến tranh với các nước láng giềng hay các cuộc nổi dậy trong nước. Trong số 20 nước nhập khẩu vũ khí nhiều nhất năm 1988, hơn một nửa số quốc gia đó “có chính phủ bị cho là thường xuyên sử dụng bạo lực” (Sivard 1991, 17). Theo cách này, một số nhà quan sát cho rằng chương trình xuất vũ khí của Mỹ ảnh hưởng tiêu cực tới chính sách hiện tại của Mỹ về thúc đẩy dân chủ vì gần một phần ba trong số quốc gia tiếp nhận vũ khí của Mỹ trong những năm gần đây không phải là các nền dân chủ (Blanton và Kegley 1997, 94-95).

Một rắc rối khác là việc các quốc gia cung cấp vũ khí không kiểm soát được việc sử dụng các thiết bị quân sự mà họ sẽ cung cấp. Bọn bè có thể trở thành kẻ thù; và việc cung cấp vũ khí cho các quốc gia khác có thể phản tác dụng như Mỹ đã từng gặp phải khi vũ khí bán cho Iraq lại được Saddam Hussein dùng để chống lại lực lượng Mỹ trong cuộc chiến tranh Vùng vịnh Ba Tư (Timmerman 1991) hay khi các tên lửa Stinger mà Mỹ cung cấp cho lực lượng Mujahideen để chống lại sự xâm lược của Liên Xô năm 1979 ở Afghanistan đã rơi vào tay của quân khủng bố sau này chống lại Mỹ. Tương tự như vậy vào năm 1982, Vương quốc Anh phát hiện đã chuyển thiết bị quân sự cho Argentina chỉ tám ngày trước khi Argentina tấn công

---

<sup>3</sup>**Tổ hợp công nghiệp – quân sự (Military-industrial complex):** một khái niệm được Tổng thống Mỹ Eisenhower đưa ra mô tả liên minh giữa các nhà sản xuất vũ khí, bộ máy quân sự quan liêu và các quan chức cao cấp trong chính phủ thúc đẩy chi tiêu quốc phòng vì lợi nhuận và quyền lực của liên minh này.

vào quần đảo Falkland do Anh kiểm soát (Sivard 1982). Dù vậy, các nhà cung cấp vẫn muốn bán hàng cho bất kỳ người mua nào; và họ tiếp tục bán vũ khí cho cả hai bên trong các cuộc xung đột quốc tế.

### **Xu hướng về công nghệ vũ khí**

Mong muốn phổ biến trang bị các loại vũ khí đã dẫn tới một thế giới đầy “chất nổ”. Hình ảnh này càng rõ ràng hơn nếu ta xem xét không chỉ xu hướng chi tiêu quốc phòng và buôn bán vũ khí mà còn khả năng hủy diệt của các vũ khí hiện đại.

**Vũ khí hạt nhân.** Nghiên cứu và phát triển về công nghệ đã mở rộng rõ rệt khả năng hủy diệt của các kho vũ khí quốc gia. Trái “bom tấn” lớn nhất trong Thế Chiến II có sức công phá của hàng chục tấn TNT. Trái bom nguyên tử đã san phẳng thành phố Hiroshima có sức mạnh của hơn mười lăm ngàn tấn thuốc nổ TNT. Chưa đầy 20 năm sau, Liên Xô cũ đã tạo được một trái bom nguyên tử với lực công phá của hơn 57 triệu tấn TNT. Kể từ năm 1945, hơn 130.000 đầu đạn hạt nhân đã được chế tạo, trong đó Mỹ chiếm 55%, Liên Xô chiếm 43%, các nước còn lại là 2%. Hầu hết số đầu đạn này đã được tháo dỡ kể từ năm 1986, tuy nhiên hơn 11.530 đầu đạn vẫn còn được triển khai trên toàn cầu vào năm 2007 với sức công phá tương đương hơn 1,3 triệu quả bom Hiroshima (SIPRI 2007, 515).

Đầu năm 2008, có chín thành viên “chính thức” của câu lạc bộ hạt nhân – Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan, Israel và Bắc Triều Tiên. Thêm vào đó, Iran và hơn 20 quốc gia cùng các tổ chức khủng bố khác cũng được cho là đang tìm kiếm năng lực phát triển vũ khí hạt nhân. Các rào cản ngăn ngừa **phổ biến vũ khí**<sup>4</sup> hạt nhân đều mỏng manh. Đầu tiên, kỹ thuật chuyên môn về phát triển vũ khí đã được phát tán rộng rãi cùng với việc toàn cầu hóa đào tạo khoa học chuyên ngành tiên tiến. Thứ hai, các công cụ kiểm soát xuất khẩu nhằm ngăn ngừa việc chuyển giao công nghệ vì mục đích quân sự đều không có hiệu quả. Cuối cùng, các nguyên vật liệu cần thiết cho việc chế biến vũ khí hạt nhân đều dễ kiếm, chủ yếu do việc sử dụng rộng rãi công nghệ hạt nhân vào sản xuất điện năng. Tính đến năm 2006 có 443 lò phản ứng hạt nhân hoạt động tại hơn 38 quốc gia trên thế giới; 26 lò phản ứng mới đang được xây dựng và 35 lò được dự kiến xây dựng (SIPRI 2006, 690). Các nước có thể tái xử lý chất thải uranium và plutonium do các nhà máy điện sản xuất ra vào việc bí mật sản xuất vũ khí hạt nhân. Một ước lượng gần đây cho thấy các lò phản ứng thương mại có thể sản xuất đủ plutonium cho khoảng 40.000 vũ khí hạt nhân.

<sup>4</sup> **Phổ biến vũ khí (proliferation):** việc lan rộng năng lực quân sự tới các quốc gia trong hệ thống.

Vũ khí hạt nhân được biết đến như một biểu tượng của địa vị và quyền lực. Từ niềm tin phổ biến theo quan điểm hiện thực rằng sức mạnh quân sự sẽ đem đến vị thế chính trị, một số quốc gia cho rằng **Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT)**<sup>5</sup> là đạo đức giả bởi vì nó cấp chứng nhận cho các nước đã phát triển và sở hữu vũ khí hạt nhân trong khi ngăn cản tất cả các nước còn lại. Brajesh Mishra, một nhà cố vấn an ninh quốc gia cho Ấn Độ là người đầu tiên phát biểu vào năm 1991 cho rằng các nước được phép phát triển năng lực hạt nhân cho mục đích răn đe, tạo ảnh hưởng và uy tín khi ông này biện minh việc Ấn Độ có vũ khí hạt nhân bằng cách khẳng định “Ấn Độ cần nhận được sự tôn trọng và tôn kính tương tự như với Trung Quốc từ Mỹ và các nước khác.”

Nghịch lý là, những lập luận kiểu này đã từng được đưa ra bởi một số thành viên đầu tiên gia nhập câu lạc bộ hạt nhân. Ví dụ như 50 năm về trước, cựu Tổng thống Pháp Charles de Gaulle quả quyết rằng thiếu năng lực hạt nhân độc lập Pháp không thể “nằm giữ vận mệnh riêng của mình”. Ông Aneurin Bevan người Anh cũng bày tỏ mối quan ngại của Anh quốc rằng thiếu đi bom hạt nhân nước Anh sẽ trình diễn “không mặc gì trước trong các phòng diễn của thế giới.” Cũng theo tinh thần này, Matthew Bunn, biên tập của tờ *Arms Control Today* giải thích “Hầu như không có khả năng loại trừ vũ khí hạt nhân khỏi mặt đất.” “Vị thần đã ra khỏi chai từ lâu và hầu như không có cơ hội để nhốt lại nữa.” (Trích dẫn từ Kegley và Wittkopf 2004, 471).

**Vũ khí sinh học và hóa học.** Mặc cho Công ước Vũ khí sinh học năm 1972 cấm việc phát triển, sản xuất và dự trữ vũ khí hóa học, nhiều người vẫn lo sợ một số quốc gia và tổ chức khủng bố vẫn cố gắng “vũ khí hóa” các loại vi khuẩn, virus và độc tố. Tương tự như vậy, dù Nghị định thư Geneva 1925 đã cấm việc sử dụng vũ khí hóa học trong chiến tranh và Công ước Vũ khí hóa học (CWC) được ký bởi bốn phần năm các nước trên thế giới yêu cầu phá hủy các kho tác nhân thần kinh, máu, chất gây phỏng rộp da và chất gây ngạt, hơn chục quốc gia bị nghi ngờ là sản xuất vũ khí hóa học. Theo trường phái hiện thực việc hai bên Iran và Iraq sử dụng khí độc trong chiến tranh để chống lại nhau trong những năm 1980 và việc Iraq dùng vũ khí hóa học năm 1989 trong cuộc chiến với người Kurd đã chứng tỏ sự yếu kém của các rào cản pháp lý.

Bởi vì vũ khí hóa học và sinh học gây chết người, có thể sản xuất với giá thành tương đối rẻ và có thể dễ dàng sản xuất, vận chuyển và phân phối, việc các quốc gia và chủ thể phi quốc gia sở hữu chúng là điều không thể tránh khỏi. Một

---

<sup>5</sup> **Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT):** một thỏa thuận quốc tế nhằm ngăn chặn việc phổ biến vũ khí hạt nhân bằng cách cấm các hoạt động bán, mua lại và sản xuất vũ khí hạt nhân.

mặt, các quốc gia yếu có thể dùng những loại vũ khí này để ngăn chặn các cường quốc bằng việc đe dọa gây thiệt hại đáng kể đến những ai dám tấn công mình. Mặt khác các nhóm cực đoan hoạt động ngoài sự kiểm soát của các quốc gia yếu sẽ coi các vũ khí hủy diệt hàng loạt này như một cách hiệu quả để thúc đẩy khủng bố toàn cầu.

Từ quan điểm của bên sử dụng, vũ khí sinh học có ít nhược điểm hơn vũ khí hóa học do các loại vũ khí hóa học bị tác động bởi gió, nhiệt độ và các điều kiện môi trường khác. Ví dụ như việc các tác nhân gây bệnh rất dễ lây lan và có thời gian ủ bệnh dài. Kết quả là cuộc tấn công sẽ không cần phải nhắm vào khu dân cư lớn mới có thể gây thương vong hàng loạt và thủ phạm sẽ có thời gian lẫn trốn trước khi bị các nhà chức trách phát hiện ra. Dù sự nguy hiểm của việc phổ biến vũ khí hạt nhân được biết đến rộng rãi, ít ai quan tâm đến hậu quả của việc phát triển và phổ biến vũ khí sinh học hiện đại (Preston 2007).

**Hệ thống vận chuyển vũ khí.** Sự phát triển công nghệ vũ khí là rất nhanh và phi thường. Đặc biệt nguy hiểm là sự tinh xảo trong công nghệ tên lửa đạn đạo cho phép các quốc gia đưa vũ khí từ cách xa 11.000 dặm tới bán kính 100 feet xung quanh mục tiêu chỉ trong vòng chưa đến 30 phút. Trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh, cả Mỹ và Liên Xô đã trang bị cho tên lửa đạn đạo bằng **bộ phóng đa đầu đạn phân hướng (MIRVs)**,<sup>6</sup> cho phép một tên lửa duy nhất có thể phóng ra nhiều đầu đạn cùng một lúc vào các mục tiêu khác nhau. Một tên lửa U.S MX (Peacekeeper) được trang bị MIRV có thể mang mười đầu đạn hạt nhân – đủ để san phẳng một thành phố và tất cả mọi thứ trong vòng bán kính 50 dặm.

Các cải tiến về công nghệ còn dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng về tốc độ, độ chính xác, tầm ảnh hưởng và hiệu quả của các loại vũ khí. **Bom thông minh**<sup>7</sup> đã được sử dụng trong các cuộc chiến tranh ở Kosovo, Afghanistan và Iraq gần đây. Thêm vào đó là các máy bay điều khiển từ xa như máy bay không người lái Predator được sử dụng cho mục đích giám sát, bảo vệ lực lượng và hỗ trợ trên không. Được kết nối thông qua vệ tinh đến phi công ở cách xa vùng chiến đến hàng ngàn dặm, Predator được trang bị hai tên lửa Hellfire có thể tấn công cả các mục tiêu trên mặt đất. Các máy bay mới hơn như Reaper, mang theo nhiều bom đạn [ordnance] hơn và Northrop-Grumman đang phát triển một loại máy bay ném bom tự động có thể điều khiển từ tàu sân bay. Hạn chế lớn nhất của các hệ thống này là điểm yếu về trinh sát quân sự và phải dựa vào hệ thống liên lạc vệ tinh.

<sup>6</sup> **Bộ phóng đa đầu đạn phân hướng (MIRVs):** một công nghệ mới cho phép tải nhiều đầu đạn trên một tên lửa duy nhất.

<sup>7</sup> **Bom thông minh (smart bomb):** công nghệ vũ khí định hướng chính xác cho phép một quả bom tự tìm mục tiêu và phát nổ tại thời điểm gây nhiều thương vong nhất.

Ngày 11 tháng 1 năm 2007, Trung Quốc đã dùng một tên lửa đạn đạo tầm trung phá hủy một trong các vệ tinh thăm dò thời tiết với quỹ đạo cao 530 dặm so với bề mặt Trái đất, qua đó chứng minh rằng không chỉ có Mỹ mới có thể kiểm soát không gian.

Các nhà chiến lược quân sự hy vọng các cuộc chiến trong tương lai sẽ có nhiều các công nghệ vũ khí tân tiến hơn. Họ nhìn thấy sự phát triển của chùm tia năng lượng và vũ khí âm thanh có thể đánh gục đối thủ mà không gây chết người; hay loại bom xung điện từ chỉ gọn trong một va li, có khả năng vô hiệu hóa hệ thống máy tính và thông tin liên lạc của toàn thành phố; bom logic có thể gây nhiễu và làm lệch hướng các phương tiện trong hệ thống hàng không và đường sắt của đối thủ. Cuối cùng là việc trong vòng thập kỷ tới robot sẽ bắt đầu thay thế binh lính cho các nhiệm vụ cụ thể như trước đó robot cũng đã được dùng cho xử lý bom. Các thành tựu công nghệ vũ khí này dường như giúp cho việc phân loại truyền thống về hệ thống vũ khí cũng như khiến các công thức trước đây về thước đo quyền lực trở nên lỗi thời.

Từ nhiều thập kỷ nay, có **vành đai phòng hỏa**<sup>8</sup> đã phân biệt ranh giới giữa chiến tranh thông thường với chiến tranh hạt nhân. Từ này xuất phát nghĩa từ làn ranh của các vùng đất trống mà các nhân viên cứu hỏa tạo nên để tránh cho cháy rừng vượt ngoài tầm kiểm soát. Trên phương diện vũ khí thì nó là làn ranh tâm lý ngăn cản không cho một chiến tranh thông thường khốc liệt nhất leo thang thành một cuộc chiến tranh hạt nhân. Do sự phát triển của công nghệ vũ khí thông thường và hạt nhân, nguy cơ vành đai phòng hỏa sẽ bị phá vỡ từ cả hai hướng – từ các thể hệ vũ khí thông thường “gần giống hạt nhân” với khả năng sát thương tương tự cuộc tấn công hạt nhân hạn chế và từ các thể hệ vũ khí hạt nhân “gần giống vũ khí thường” với khả năng phá hủy tương đương với các vũ khí thông thường mạnh nhất. Khi vành đai phòng hỏa bị phá vỡ, nhiều người lo ngại rằng các giới hạn đối với việc tiến hành một cuộc chiến tranh hiện đại sẽ biến mất.

Nhìn tổng thể, cảm giác bất an đang bao trùm nhiều nơi trên thế giới. Nỗi lo về sự hủy diệt của vũ khí hạt nhân không biến mất cùng với sự chấm dứt của Chiến tranh Lạnh. Cũng không hề có các biện pháp hiệu quả để kiểm soát sự phổ biến vũ khí hóa học và sinh học. Thế kỷ XXI không phải là thời kỳ của hòa bình và thịnh vượng như nhiều người mong đợi. Thay vào đó, rất nhiều nhà lãnh đạo quốc gia nghe theo lời khuyên của đại tướng La Mã Flavius Vegetius Ranetus: “Nếu bạn muốn hòa bình, hãy chuẩn bị chiến tranh.” Các nhà chủ nghĩa hiện thực khẳng

---

<sup>8</sup> **Vành đai phòng hỏa (firebreak):** vành đai tâm lý phân định chiến tranh thường và chiến tranh hạt nhân.



khẳng rằng an ninh đến từ năng lực quân sự. Thế nhưng có sức mạnh quân sự không có nghĩa là sức mạnh đó được sử dụng một cách thông minh. Chúng ta sẽ chuyển sang xem xét làm thế nào để sử dụng sức mạnh quân sự như một công cụ chính sách cho quốc gia. Đầu tiên ta xem xét vũ khí hạt nhân.

## (Còn tiếp phần 2)

---

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

---

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---